

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXXX

Phẩm 13: KIỀU TRẦN NHƯ 2

Phạm chí Độc Tử thưa:

–Thưa Cù-đàm! Nay tôi muốn hỏi Ngài, có thể được chăng?

Đức Như Lai im lặng. Thưa đến lần thứ hai, lần thứ ba cũng như vậy.

Độc Tử lại nói:

–Thưa Cù-đàm! Từ lâu tôi với Ngài cùng là bạn thân. Ngài cùng tôi nghĩa không có hai, tôi muốn thưa hỏi sao Ngài lại im lặng?

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nghĩ: “Phạm chí này tánh tình nho nhã, thuần thiện, ngay thẳng, thường thì muốn hiểu biết mà đến thưa hỏi chẳng phải vì náo loạn. Nếu ông ấy có hỏi, Ta nên tùy ý đáp”. Đức Thế Tôn bảo:

–Này Độc Tử! Lành thay! Lành thay! Ông cứ theo chỗ nghi mà hỏi Ta sẽ giải đáp cho.

Độc Tử thưa:

–Thưa Cù-đàm! Thế gian có pháp thiện chăng?

–Này Phạm chí! Đúng vậy!

–Có pháp bất thiện chăng?

–Này Phạm chí! Đúng vậy!

–Thưa Cù-đàm! Xin giảng nói cho tôi biết pháp thiện và pháp ác.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ta có thể phân biệt giảng rộng nghĩa đó. Nay sẽ vì ông mà nói tóm lược. Này thiện nam! Dục gọi là pháp bất

thiện, giải thoát dục gọi là pháp thiện. Sân giận, ngu si cũng như vậy. Sát sinh gọi là pháp bất thiện, không sát sinh gọi là pháp thiện. Cho đến tà kiến cũng như vậy. Nay thiện nam! Nay Ta đã giảng nói ba pháp thiện và ba pháp bất thiện cho ông và nói mười pháp thiện cùng bất thiện. Nếu đệ tử của Ta có thể phân biệt ba thứ pháp thiện và bất thiện như thế, cho đến mười pháp thiện và bất thiện thì nên biết, người này có thể dứt hết tham dục, sân hận, ngu si, tất cả phiền não, đoạn tất cả hữu lậu.

Phạm chí thưa:

–Thưa Cù-đàm! Trong pháp Phật có Tỳ-kheo nào có thể dứt hết tham, sân, si, tất cả phiền não và tất cả các hữu chẳng?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ở trong pháp Phật chẳng phải có một, hai, ba cho đến năm trăm mà có vô lượng các Tỳ-kheo đều đã dứt hết tham, sân, si, tất cả các lậu hoặc, tất cả các hữu như vậy.

–Thưa Cù-đàm! Trong pháp Phật, ngoài Tỳ-kheo ra, có Tỳ-kheo-ni nào dứt hết tham, sân, si, tất cả các lậu hoặc, tất cả các hữu như thế chẳng?

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Ở trong pháp Phật chẳng phải có một, hai, ba cho đến năm trăm mà có vô lượng các Tỳ-kheo-ni đã dứt hết tham, sân, si, tất cả các lậu hoặc, tất cả các hữu như thế.

Độc Tử thưa:

–Thưa Cù-đàm! Ngoài Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, trong pháp Phật có vị Ưu-bà-tắc nào trì giới tinh cần, phạm hạnh thanh tịnh, vượt qua bờ nghi, đoạn lưới nghi chẳng?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ở trong giáo pháp của Ta chẳng phải có một, hai, ba cho đến năm trăm mà có vô lượng các Ưu-bà-tắc trì giới tinh cần, phạm hạnh thanh tịnh, đoạn năm kiết hạ phần, chứng được quả A-na-hàm, vượt bờ nghi hoặc, đoạn dứt lưới nghi.

Độc Tử thưa:

–Thưa Cù-đàm! Ngoài Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, trong

pháp Phật có vị Ưu-bà-di nào trì giới tinh cần, phạm hạnh thanh tịnh, đoạn dứt lưới nghi chăng?

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Trong pháp Phật của Ta chẳng phải một, hai, ba cho đến năm trăm mà có vô lượng các Ưu-bà-di trì giới tinh cần, phạm hạnh thanh tịnh, đoạn dứt năm kiết hạ phần, đắc A-na-hàm, vượt qua bờ nghi, cắt đứt lưới nghi.

Độc Tử thưa:

–Thưa Cù-đàm! Ngoài Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dứt hết các lậu, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di trì giới tinh cần, phạm hạnh thanh tịnh, đoạn trừ hết lưới nghi, trong pháp Phật có Ưu-bà-tắc nào hưởng thọ năm thứ dục lạc mà tâm không có lưới nghi chăng?

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Trong pháp Phật chẳng phải có một, hai, ba cho đến năm trăm mà có vô lượng các Ưu-bà-tắc đoạn ba kiết sử, chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, làm giảm nhẹ tham, sân, si, chứng quả Tư-đà-hàm. Như các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cũng vậy.

–Bạch Thế Tôn! Nay con muốn nói thí dụ.

Đức Phật bảo:

–Lành thay! Ông thích thì cứ nói.

–Bạch Thế Tôn! Nếu hàng ngoại đạo muốn đến xuất gia không rõ Như Lai thử họ trong mấy tháng?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ta đều thử họ trong bốn tháng nhưng không nhất thiết cùng một hạng.

–Bạch Thế Tôn! Nếu không cùng một hạng, xin Đức Đại Từ cho con được xuất gia.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn bảo Kiều-trần-như:

–Cho Độc Tử xuất gia thọ giới!

Kiều-trần-như vâng lời Phật dạy, ở giữa Tăng chúng làm pháp Yết-ma. Sau khi xuất gia được mười ngày, Độc Tử chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, đã chứng quả rồi, lại nghĩ: “Nếu người có trí tuệ do sự

học mà được thì nay ta đã có thể gặp được Đức Phật”. Ông liền đến chỗ Phật cúi đầu đánh lễ cung kính ngồi sang một bên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những người có trí tuệ là do từ học mà có được, thì con nay đã được. Xin Thế Tôn vì con mà phân biệt giảng nói, khiến cho con được trí tuệ vô học.

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Ông chuyên cần tinh tấn tu tập hai pháp Chỉ và Quán.

Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo nào muốn chứng đắc quả Tu-đà-hoàn cũng phải nên siêng tu tập hai pháp như vậy. Nếu muốn chứng đắc quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán cũng phải tu hai pháp này. Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo muốn đắc bốn thiền, bốn tâm vô lượng, sáu thần thông, tám giải thoát, tám thắng xứ, trí vô ngại, trí đánh, trí cứu cánh, trí bốn vô ngại, Tam-muội Kim cang, trí tận, trí vô sinh, cũng phải tu tập hai pháp như vậy.

Này thiện nam! Nếu muốn chứng được bậc Thập trụ, pháp nhãn Vô sinh, pháp nhãn Vô tướng, pháp nhãn Bất tư nghi, Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, Bồ-tát hạnh, Tam-muội Hư không, Tam-muội Tri ấn, Tam-muội Không, Vô tướng, Vô tác địa, Tam-muội Bất thoái, Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, Tam-muội Kim cang, hạnh Phật vô lượng Bồ-đề thì cũng phải tu tập hai pháp như vậy.

Độc Tử nghe xong đánh lễ lui ra, ở trong rừng Ta-la tu tập hai pháp Chỉ và Quán, không bao lâu chứng đắc quả A-la-hán.

Lúc đó có vô lượng Tỳ-kheo muốn đến chỗ Phật. Độc Tử hỏi:

–Các Đại đức muốn đến đâu?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Chúng tôi muốn đến chỗ Đức Phật.

Độc Tử lại nói:

–Nếu các Đại đức đến chỗ Đức Phật, xin vì tôi bạch cùng Đức Phật: “Phạm chí Độc Tử đã tu tập hai pháp Chỉ và Quán nên được trí vô học, nay báo ân Phật mà nhập Niết-bàn”.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Phật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Độc Tử nhắn gửi chúng con lời như

vậy: “Bạch Thế Tôn! Phạm chí Độc Tử tu tập hai pháp Chỉ và Quán chứng trí vô học. Nay nhập Niết-bàn để báo ân Phật”.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Phạm chí Độc Tử chứng đắc quả A-la-hán, các ông nên đến cúng dường thi hài của Độc Tử.

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, trở lại thiết lễ lớn cúng dường thi hài của Độc Tử.

Phạm chí Nạp Y lại nói:

–Thưa Cù-đàm! Như lời Cù-đàm nói, trong vô lượng đời làm điều lành, điều ác, đời vị lai trở lại thọ thân lành, chẳng lành. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì như Cù-đàm từng nói nhân phiền não nên có thân này, nếu đã nhân phiền não mà có được thân thì thân có trước hay phiền não có trước? Nếu phiền não có trước thì ai làm và ở chỗ nào? Nếu thân có trước sao lại nhân phiền não mà có thân? Do đó, nếu nói phiền não có trước thì cũng không thể, nếu thân có trước thì cũng không thể. Nếu nói trước sau cùng một lúc thì cũng không thể. Vì thế nên tôi nói tất cả các pháp đều có tự tánh không do nhân duyên.

Thưa Cù-đàm! Cứng là tánh của đất, ướt là tánh của nước, nóng là tánh của lửa, động là tánh của gió, không chướng ngại là tánh của hư không. Tánh của năm đại này chẳng phải từ nhân duyên mà có. Nếu trong thế gian có tánh của một pháp chẳng phải do nhân duyên mà có thì tánh của tất cả các pháp cũng như vậy, chẳng phải do nhân duyên mà có. Nếu có một pháp do từ nhân duyên tại sao tánh của năm đại lại không từ nơi nhân duyên?

Thưa Cù-đàm! Chúng sinh có thân lành và thân ác đều đạt được giải thoát đều là tự tánh chẳng phải do từ nhân duyên. Cho nên tôi nói rằng tất cả các pháp do tự tánh mà có chẳng phải do nhân duyên sinh.

Thưa Cù-đàm! Pháp của thế gian có chỗ dùng nhất định. Như người thợ mộc nói cây này có thể làm xe cộ, như vậy là có thể làm cửa, làm giường, làm ghế. Cũng như thợ kim hoàn làm ra những đồ trang sức, ở trên trán thì gọi là tràng, đeo dưới cổ thì gọi là chuỗi,

đeo trên tay thì gọi là vòng, đeo nơi ngón tay thì gọi là nhẫn. Vì chỗ dùng nhất định nên gọi là định tánh. Thưa Cù-đàm! Tất cả chúng sinh cũng như vậy. Vì có tánh của năm đường nên có địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người. Nếu đã như vậy thì sao lại nói từ nhân duyên sinh?

Thưa Cù-đàm! Tất cả chúng sinh tánh của họ đều khác. Nên gọi là tất cả tự tánh. Thưa Cù-đàm! Như con rùa sinh trên đất mà tự nó có thể lặn xuống nước. Bò con sinh ra rồi có thể tự uống sữa, cá thấy mồi tự nhiên đớp ăn, rắn độc lúc sinh ra tự nhiên ăn đất, những việc như vậy có ai dạy bảo? Như gai sinh ra tự nhiên đầu nhọn, lông loài chim bay tự nhiên có màu sắc khác nhau. Chúng sinh ở đời cũng như vậy. Có khôn lanh, có đần độn, có giàu, có nghèo, có đẹp, có xấu. Có người được giải thoát có người không được giải thoát. Do đó nên biết trong tất cả các pháp đều có tự tánh riêng.

Thưa Cù-đàm! Như Ngài từng nói tham, sân, si từ nơi nhân duyên mà sinh, ba món độc này do năm trần làm duyên, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì lúc chúng sinh ngủ xa lìa năm trần mà vẫn sinh khởi tham, sân, si; lúc ở trong thai cũng vậy. Lúc mới ra khỏi thai chưa phân biệt được năm trần tốt xấu mà cũng sinh tâm tham, sân, si. Các vị tiên, Hiền Thánh ở nơi vắng vẻ không có năm trần mà cũng sinh khởi tham, sân, si. Lại cũng có người đối với năm trần mà không sinh khởi tham, sân, si. Do đó không chắc là từ nhân duyên sinh ra tất cả các pháp, vì tự tánh của nó, sẵn như vậy. Thưa Cù-đàm! Tôi lại thấy người ở đời năm căn không đầy đủ mà có nhiều của báu rất tự tại. Có người các căn đầy đủ mà lại bị nghèo cùng, hèn hạ không được tự tại phải làm tội lỗi. Nếu có nhân duyên sao lại như vậy. Do đó, nên các pháp đều có tự tánh riêng chẳng phải do nhân duyên.

Thưa Cù-đàm! Thế gian, những trẻ nhỏ chưa phân biệt được năm trần, hoặc cười, hoặc khóc. Lúc cười biết mừng, lúc khóc biết buồn. Do đó nên biết tất cả các pháp đều riêng có tự tánh. Thưa Cù-đàm! Pháp của thế gian có hai: một là có, hai là không. Có tức là hư không, không là sừng thỏ. Hai pháp này, một là có nên không từ nhân duyên sinh, hai là không cũng chẳng phải do nhân duyên. Do

đó, các pháp có tự tánh nên chẳng phải do nhân duyên.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như lời ông nói, như tánh của năm đại, tất cả các pháp lẽ ra cũng như vậy. nghĩa này không đúng. Vì sao? Này thiện nam! Vì trong pháp của ông, cho năm đại là thường. Do nhân duyên gì mà tất cả các pháp đều chẳng phải thường? Nếu sự vật thế gian là vô thường thì tánh của năm đại này vì sao chẳng phải là vô thường? Nếu năm đại là thường thì lẽ ra sự vật thế gian cũng là thường. Do đó nên ông nói vì tánh của năm đại có tự tánh nên chẳng phải từ nhân duyên, khiến tất cả các pháp đồng như năm đại, điều đó không thể xảy ra. Này thiện nam! Ông nói vì chỗ dùng nhất định nên có tự tánh, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì tất cả đều từ nhân duyên mà được có tên gọi. Nếu từ nhân duyên có tên gọi thì cũng từ nhân duyên mà có nghĩa.

Thế nào gọi là từ nhân duyên mà có tên gọi? Như đồ trang sức ở trên trán thì gọi là tràng, ở tại cổ thì gọi là chuỗi, ở nơi tay thì gọi là vòng, ở nơi xe thì gọi là bánh xe, lửa ở nơi cỏ cây thì gọi là lửa cỏ, lửa cây.

Này thiện nam! Cây lúc mới sinh không có tánh mũi tên và cây lao. Từ nhân duyên người thợ làm ra mũi tên. Do đó, không nên nói tất cả các pháp là có tự tánh.

Này thiện nam! Ông nói như con rùa sinh trên đất mà tánh tự nói có thể lặn xuống nước. Bò con sinh ra tánh nó có thể uống sữa. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Nếu nói vào nước chẳng phải nhân duyên mà chẳng phải nhân duyên thì sao rùa không vào lửa? Bò con lúc sinh ra tánh nó có thể bú sữa chẳng phải là nhân duyên, nếu chẳng phải nhân duyên thì sao không bú sữa?

Này thiện nam! Nếu nói các pháp đều có tự tánh thì chẳng cần dạy bảo, học tập, không có tăng trưởng. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì hiện nay thấy có sự dạy bảo, nhờ dạy bảo mà được tăng trưởng. Do đó nên biết rằng không có tự tánh.

Này thiện nam! Nếu tất cả các pháp có tự tánh riêng thì hàng Bà-la-môn chẳng nên vì được thân thanh tịnh mà giết dê để cúng tế,

nếu đã vì thân mà cúng tế thì nên biết không có tự tánh. Nay thiện nam! Pháp ngữ của thế gian gồm có ba thứ: một là muốn làm, hai là đang làm, ba là làm rồi. Nếu tất cả các pháp đều có tự tánh tại sao thế gian lại có ba thứ lời nói này. Vì có ba lời nói này nên biết tất cả các pháp đều không có tự tánh.

Nay thiện nam! Nếu nói các pháp đều có tự tánh thì nên biết các pháp đều có định tánh. Nếu có định tánh thì tại sao chỉ có một thứ mía mà làm ra đường, rượu, rượu đắng v.v... Nếu chỉ có một tánh sao lại sinh ra nhiều thứ vị như vậy? Nếu trong vật sinh ra nhiều thứ như vậy thì nên biết các pháp chẳng phải nhất định riêng có một tự tánh.

Nay thiện nam! Nếu tất cả các pháp có tánh nhất định vì sao Thánh nhân uống nước mía, ăn đường, còn như thành rượu thì không uống, sau khi thành rượu đắng thì lại uống. Cho nên biết rằng không có tánh nhất định. Nếu đã không có tánh nhất định sao lại không từ nhân duyên mà có.

Nay thiện nam! Ông nói tất cả các pháp đều có tự tánh tại sao ông lại nói ví dụ? Nếu có ví dụ thì nên biết các pháp không có tự tánh. Nếu có tự tánh thì nên biết không có ví dụ. Người trí trong đời đều nói ví dụ. Nên biết rằng các pháp không có tự tánh, không có tánh nhất định.

Nay thiện nam! Ông hỏi thân có trước hay phiền não có trước, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì nếu Ta nói thân có trước thì ông có thể hỏi, ông cũng giống tôi, còn cho rằng thân không có trước, vì sao lại hỏi như vậy!

Nay thiện nam! Tất cả chúng sinh, thân và phiền não đều không có trước sau mà có một lúc. Tuy có cùng lúc nhưng phải do nơi phiền não mà có thân, hoàn toàn không do nơi thân mà có phiền não. Nếu ý ông cho rằng như hai mắt của người cùng lúc mà có, không đợi nhau, mắt trái không do mắt phải, mắt phải không do mắt trái, phiền não và thân cũng như vậy, thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Nay thiện nam! Ở thế gian, con mắt thấy tim đèn và ánh sáng, tuy cùng một lúc nhưng ánh sáng cần phải nhờ nơi tim đèn chứ hoàn

toàn không nhờ ánh sáng mà có tim đèn.

Này thiện nam! Nếu ý ông cho rằng vì thân không có trước nên biết là không có nhân duyên, thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì nếu cho rằng thân có trước không có nhân duyên nên gọi là không, thì ông không nên nói rằng tất cả các pháp đều có nhân duyên. Nếu nói vì không thấy nên không nói thì nay thấy cái bình v.v... là do từ nhân duyên mà có, vì sao không nói? Như cái bình, thân có trước nhân duyên, cũng như vậy.

Này thiện nam! Hoặc thấy, không thấy, tất cả các pháp đều từ nhân duyên không có tự tánh. Này thiện nam! Nếu nói tất cả các pháp đều có tự tánh không do nhân duyên thì vì sao ông lại nói năm đại? Tánh của năm đại này chính là nhân duyên. Thiện nam! Năm đại nhân duyên tuy như vậy nhưng cũng không nên cho rằng các pháp đều giống năm đại nhân duyên. Như người thế gian nói tất cả người xuất gia siêng năng trì giới, hàng Chiên-đà-la cũng phải siêng năng trì giới như vậy. Thiện nam! Ông nói năm đại có tánh chắc chắn nhất định. Ta thấy tánh này biến chuyển không nhất định.

Này thiện nam! Tô, bạch lạp, hồ giao những thứ này trong pháp của ông gọi là đất, đất này không nhất định, hoặc đồng với nước, hoặc đồng với đất. Nên không được nói tự tánh cứng chắc. Này thiện nam! Nhôm, chì, kẽm, đồng, sắt, vàng, bạc, những thứ đó trong pháp của ông gọi là lửa, lửa này có bốn tánh: lúc chảy là tánh nước, lúc động là tánh gió, lúc nóng là tánh lửa, lúc cứng là tánh đất. Sao lại nói rằng nhất định gọi là tánh lửa?

Này thiện nam! Tánh của nước là chảy nếu lúc nước đông cứng không gọi là đất mà gọi là tánh nước. Do nhân duyên gì lúc sóng động không gọi là gió? Nếu động không gọi là gió thì lúc đông đặc cũng không nên gọi là nước. Nếu hai nghĩa này từ nơi nhân duyên thì sao lại nói rằng tất cả các pháp không từ nhân duyên?

Này thiện nam! Nếu nói rằng năm căn, tánh có thể thấy, nghe, hiểu, biết, xúc chạm nên đều là tự tánh không từ nhân duyên thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Này thiện nam! Tánh của tự tánh không thể chuyển đổi. Nếu nói tánh của mắt là thấy, lỗ ra phải

thường thấy. Không nên có lúc thấy, có lúc không thấy. Do đó nên biết rằng thấy là từ nhân duyên, chẳng phải không có nhân duyên. Nay thiện nam! Ông nói chẳng phải nhân nơi năm trần mà sinh ra tham và giải thoát. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Nay thiện nam! Vì tuy chẳng phải do năm trần mà có tham và giải thoát nhưng vì giác quán ác nên sinh tham dục. Vì giác quán thiện nên được giải thoát.

Nay thiện nam! Do nhân duyên bên trong nên sinh tham và giải thoát, do nhân duyên bên ngoài nên được tăng trưởng. Cho nên ông nói tất cả các pháp đều có tự tánh, không nhân nơi năm trần sinh tham và giải thoát thì không có lẽ ấy. Nay thiện nam! Ông nói người thân thể đầy đủ lại nghèo thiếu tài của, không được tự tại. Người thân thể tàn tật thì có nhiều của báu rất được tự tại. Do đó chứng minh là có tự tánh, chẳng từ nhân duyên. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Nay thiện nam! Chúng sinh do nghiệp mà có quả báo, quả báo này có ba thứ: một là hiện báo, hai là sinh báo, ba là hậu báo. Bần cùng, giàu có, các căn đầy đủ hay không đầy đủ đều là nghiệp riêng khác. Nếu có tự tánh thì người các căn đầy đủ đáng lẽ có nhiều của báu; người có nhiều của báu lẽ ra các căn đầy đủ. Nay chẳng phải như vậy. Do đó, nhất định biết không có tự tánh, đều từ nhân duyên. Như lời ông nói trẻ nhỏ thế gian chưa thể phân biệt được năm trần mà cũng khóc, cũng cười, cho nên tất cả đều có tự tánh. Nghĩa này không đúng. Vì sao vậy? Vì nếu có tự tánh lẽ ra cười thì phải thường cười, khóc thì phải thường khóc, không nên có cười, có khóc. Nếu có cười, có khóc thì nên biết tất cả đều từ nhân duyên. Do đó, không nên nói tất cả các pháp có tự tánh không từ nhân duyên.

Phạm chí nói:

–Thưa Thế Tôn! Nếu tất cả các pháp từ nhân duyên mà có thì thân này từ nhân duyên nào?

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Thân này từ nhân duyên phiền não và nghiệp.

Phạm chí nói:

–Thưa Thế Tôn! Như vậy, thân này từ phiền não và nghiệp mà có thì phiền não và nghiệp này có thể dứt được.

Đức Phật bảo:

–Đúng vậy! Đúng vậy!

Phạm chí lại nói:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn giảng nói rõ cho tôi, khiến tôi nghe rồi, ngay nơi này, liền được đoạn dứt phiền não và nghiệp.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu biết hai bên và ở giữa không ngăn ngại, thì người này có thể đoạn dứt phiền não và nghiệp.

–Bạch Thế Tôn! Con đã hiểu biết, đã được chánh pháp nhãn.

Đức Phật dạy:

–Ông biết thế nào?

–Bạch Thế Tôn! Hai bên là sắc và giải thoát sắc, ở giữa tức là tám Thánh đạo. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Đức Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Khéo biết hai bên, đoạn dứt phiền não và nghiệp.

–Bạch Thế Tôn! Xin Ngài cho con được xuất gia thọ giới.

Đức Phật bảo:

–Thiện lai Tỳ-kheo!

Ngay lúc đó Phạm chí dứt trừ phiền não ba cõi, chứng đắc quả A-la-hán.

Bấy giờ, lại có một Bà-la-môn tên là Hoàng Quảng thưa:

–Thưa Cù-đàm! Có biết tâm niệm hiện tại của tôi chăng?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Niết-bàn là thường, hữu vi là vô thường, cong là tà kiến, ngay thẳng là Thánh đạo.

Bà-la-môn nói:

–Thưa Cù-đàm! Do nhân duyên gì mà nói như vậy?

–Này thiện nam! Ý của ông thường cho rằng khát thực là thường, thỉnh riêng là vô thường. Cong là cửa khóa, ngay thẳng là cờ

của Đế thích. Do đó, Ta nói Niết-bàn là thường, hữu vi là vô thường, cong là tà kiến, ngay thẳng là tám Thánh đạo. Chẳng phải như điều suy nghĩ trước của ông.

Bà-la-môn nói:

–Thưa Cù-đàm! Quả thật Ngài biết được tâm niệm của tôi, tám Thánh đạo này làm cho chúng sinh đều được tận diệt chăng?

Lúc ấy, Thế Tôn im lặng không đáp.

Bà-la-môn thưa:

–Thưa Cù-đàm! Ngài đã biết tâm niệm của tôi. Nay tôi hỏi sao lại im lặng mà không đáp?

Bấy giờ, Kiều-trần-như liền nói:

–Này Đại Bà-la-môn! Nếu có người hỏi thế gian là hữu biên hay vô biên thì Như Lai thường im lặng không đáp. Tám Thánh đạo là ngay thẳng, Niết-bàn là thường, nếu tu tập tám Thánh đạo thì được diệt tận, nếu không tu tập thì không thể diệt được.

Này Đại Bà-la-môn! Ví như thành lớn kia, bốn phía vách đều không có lỗ hở mà chỉ có một cửa. Người giữ cửa thông minh có trí, có thể khéo phân biệt kẻ đáng cho đi thì cho đi, kẻ đáng ngăn thì ngăn lại. Tuy không thể biết số lượng người ra vào nhiều hay ít nhưng chắc chắn biết rằng tất cả người ra vào đều do cửa này.

Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, thành lớn dụ cho Niết-bàn, cửa dụ cho tám Thánh đạo, người giữ cửa dụ cho Như Lai. Này thiện nam! Nay Như Lai tuy chẳng trả lời là diệt tận và không diệt tận nhưng người được diệt tận cần phải tu tập tám Thánh đạo này.

Bà-la-môn nói:

–Lành thay! Lành thay! Đại đức Kiều-trần-như! Đức Như Lai khéo nói pháp vi diệu. Tôi thật muốn biết thành, biết đạo, tự mình làm người giữ cửa.

Kiều-trần-như nói:

–Lành thay! Lành thay! Này Bà-la-môn! Ông có thể phát tâm rộng lớn vô thượng.

Đức Phật dạy:

–Thôi, thôi! Kiều-trần-như! Bà-la-môn này chẳng phải ngày nay mới phát tâm vô thượng. Ngày Kiều-trần-như! Vào thuở quá khứ cách đây vô lượng kiếp có Phật Thế Tôn hiệu là Phổ Quang Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, người này trước kia đã ở chỗ Đức Phật đó phát tâm Bồ-đề vô thượng. Trong Hiền kiếp này sẽ được thành Phật, từ lâu đã hiểu biết thông đạt pháp tướng, vì chúng sinh mà hiện ở trong hàng ngoại đạo, thị hiện không biết. Do nhân duyên này Kiều-trần-như không nên khen ông ấy: “Lành thay! Lành thay! Ông hiện nay có thể phát tâm rộng lớn”.

Lúc đó, Đức Thế Tôn đã biết mà vẫn hỏi Kiều-trần-như:

–Tỳ-kheo A-nan nay đang ở đâu?

Kiều-trần-như đáp:

–Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo A-nan nay đang ở ngoài rừng Ta-la, cách đại hội này mười hai do-tuần, đang bị sáu vạn bốn ngàn ức ma nhiều loạn. Các ma này đều tự biến hóa làm thân của Như Lai, hoặc tuyên nói tất cả các pháp đều từ nhân duyên sinh, hoặc tuyên nói tất cả các pháp không từ nhân duyên sinh, hoặc thuyết giảng tất cả nhân duyên đều là pháp thường, pháp do nhân duyên sinh đều là vô thường, hoặc nói năm ấm là thật, hoặc nói hư giả; nhập giới cũng như vậy, hoặc nói mười hai nhân duyên, hoặc nói có bốn duyên, hoặc nói các pháp như huyễn như hóa, như ngọn lửa lúc bùng cháy, hoặc nói nhân nghe mà đắc pháp, hoặc nói nhân tư duy mà đắc pháp, hoặc nói nhân tu mà đắc pháp, hoặc lại nói pháp quán bất tịnh, hoặc nói pháp quán hơi thở ra vào, hoặc nói pháp quán bốn niệm xứ, hoặc nói ba thứ quán nghĩa, bảy thứ phương tiện, hoặc nói pháp noãn, pháp đảnh, pháp nhãn, pháp thế đệ nhất, bậc vô học, bậc Bồ-tát Sơ trụ cho đến Thập trụ, hoặc nói pháp không, vô tướng, vô tác, hoặc nói Tu-đa-la (Khế kinh), Kỳ-dạ (Trùng tụng), Tỳ-già-la-na (Thọ ký), Già-đà (Kê tụng), Ưu-đà-na (Tự thuyết), Ni-đà-na (Nhân duyên) A-ba-đà-na (Thí dụ), Y-đế-mục-đa-già (Bản sự) Xà-dà-già (Bản sinh), Tỳ-phật-lược (Phương quảng), A-phù-đà-đạt-ma (Vị tăng

hữu), Ưu-ba-đề-xá (Luận nghị), hoặc nói bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám Thánh đạo, hoặc nói nội không, ngoại không, nội ngoại không, hữu vi không, vô vi không, vô thí không, tánh không, viển ly không, tán không, tự tướng không, vô tướng không, ấm không, nhập không, giới không, thiện không, bất thiện không, vô ký không, Bồ-đề không, đạo không, Niết-bàn không, hành không, đắc không, đệ nhất nghĩa không, không không, đại không. Hoặc thị hiện thần thông biến hóa, thân xuất ra nước và lửa, hoặc phần trên thân xuất ra nước, phần dưới thân xuất ra lửa, phần dưới thân xuất ra nước, phần trên thân xuất ra lửa, hông trái ở dưới, hông phải xuất ra nước, hông phải ở dưới, hông trái xuất ra nước, một hông sấm sét, một hông tuôn mưa, hoặc thị hiện cõi nước của chư Phật, hoặc thị hiện Bồ-tát lúc sơ sinh đi bảy bước, lúc ở trong cung hưởng thọ năm thứ dục, lúc mới xuất gia tu khổ hạnh, lúc ngồi thiền định ở dưới gốc Bồ-đề, lúc phá quân ma, chuyển pháp luân, lúc thị hiện thần thông lớn, nhập Niết-bàn.

Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo A-nan thấy những việc như vậy rồi nghĩ rằng những thần thông biến hóa từ xưa đến nay chưa từng thấy như vậy do ai làm ra? Chẳng phải Đức Thích Ca Thế Tôn hiện ra chăng? A-nan muốn đứng dậy, muốn nói nhưng đều không theo ý muốn. Tỳ-kheo A-nan vào trong lười của ma, lại suy nghĩ: “Lời chư Phật nói khác nhau chẳng đồng. Nay ta nên lãnh thọ lời của ai?”.

Bạch Thế Tôn! A-nan hiện nay chịu khổ lớn, tuy nhớ nghĩ đến Đức Như Lai mà không ai cứu thoát, do đó không đến ở trong đại chúng này.

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trong đại chúng này có hàng Bồ-tát đã từ một đời cho đến vô lượng đời phát tâm Bồ-đề Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, tâm các vị ấy kiên cố, tu hành đầy đủ Bồ thí Ba-la-mật, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, thành tựu công đức, từ lâu đã gần gũi vô lượng chư Phật, tịnh tu phạm hạnh được tâm Bồ-đề không thoái chuyển, nhẫn không thoái chuyển, trì không thoái chuyển, được nhẫn như pháp, vô lượng Tam-

muội như Thủ-lăng-nghiêm v.v... Hàng Bồ-tát này nghe kinh điển Đại thừa hoàn toàn không sinh nghi ngờ, khéo có thể phân biệt, tuyên nói Tam bảo đồng một tánh tướng, thường trụ bất biến. Nghe pháp không thể nghĩ bàn, không sợ hãi, nghe các pháp không, tâm chẳng kinh động, hiểu rõ thông đạt tất cả các pháp tánh, thọ trì tất cả Mười hai bộ loại kinh văn, hiểu rộng ý nghĩa, cũng có thể thọ trì Mười hai bộ loại kinh văn của vô lượng chư Phật, thì lo gì không thể thọ trì được kinh điển Đại Niết-bàn này. Do nhân duyên gì Như Lai lại hỏi Kiều-trần-như A-nan ở đâu?

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Lắng nghe, lắng nghe! Nay thiện nam! Ta thành Phật đã hơn hai mươi năm, lúc ở thành Vương-xá, Ta bảo với các Tỳ-kheo: “Này các Tỳ-kheo! Nay trong đại chúng này ai có thể vì Ta mà thọ trì Mười hai bộ loại kinh văn của Như Lai, hầu hạ cung cấp những vật cần dùng, cũng làm cho tự thân không mất lợi ích tốt đẹp”. Lúc ấy, Kiều-trần-như ở giữa đại chúng đến thưa với Ta: “Con có thể thọ trì Mười hai bộ loại kinh văn, hầu hạ cung cấp, không quên làm những việc lợi ích”. Ta bảo: “Này Kiều-trần-như! Ông đã già yếu cần phải có người hầu hạ, sao lại muốn hầu hạ Ta?”.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất lại thưa: “Con có thể thọ trì tất cả lời dạy của Phật, cung cấp hầu hạ, không làm một việc làm lợi ích của mình”. Ta bảo với Xá-lợi-phất: “Ông đã già yếu cần phải có người hầu hạ, sao lại muốn hầu hạ Ta?”. Lần lượt đến năm trăm vị A-la-hán, Ta đều chẳng nhận làm thị giả. Bấy giờ, Mục-kiền-liên ở trong đại chúng suy nghĩ: “Nay Đức Như Lai không nhận năm trăm Tỳ-kheo làm thị giả. Ý của Phật muốn ai làm thị giả đây?”. Suy nghĩ rồi liền nhập chánh định, biết Đức Như Lai muốn chấp nhận A-nan, rõ như mặt trời mới mọc, ánh sáng chiếu nơi tường phía Tây. Thấy việc ấy rồi, liền xuất định, nói với Kiều-trần-như: “Này Đại đức! Tôi thấy Đức Như Lai muốn A-nan làm thị giả”. Bấy giờ Kiều-trần-như cùng với năm trăm A-la-hán đến chỗ A-nan nói: “Này A-nan! Nay ông nên làm thị giả cho Đức Như Lai. Xin ông nhận việc ấy”. A-nan nói: “Thưa chư Đại đức! Tôi thật không thể làm thị giả Đức Như Lai. Vì sao? Vì Đức Như Lai tôn quý như sư tử chúa, như rồng, như lửa.

Nay tôi yếu đuối làm sao có thể kham nổi”. Các Tỳ-kheo nói: “Này A-nan! Ông nên nhận lời chúng tôi, hầu hạ Đức Như Lai thì được lợi ích lớn”. Khuyên bảo lần thứ hai, lần thứ ba cũng như vậy. A-nan nói: “Thưa các Đại đức! Tôi cũng không cầu việc lợi ích lớn, thật không thể nhận làm thị giả được”. Bấy giờ Mục-kiền-liên nói: “A-nan! Nay ông chưa biết rõ”. A-nan nói: “Thưa Đại đức! Xin nói cho tôi rõ”. Mục-kiền-liên liền nói: “Đức Như Lai ở giữa chúng Tăng cần thị giả. Năm trăm A-la-hán đều xin lãnh mà Đức Như Lai không bằng lòng. Tôi liền nhập định thấy Như Lai muốn ông làm thị giả. Nay vì sao ông chẳng chịu nhận?”. A-nan nghe rồi liền quì gối chấp tay thưa: “Thưa chư Đại đức! Nếu có việc như vậy, xin Đức Như Lai Thế Tôn cho tôi ba điều thỉnh nguyện, tôi sẽ vâng lệnh của chư Tăng mà làm thị giả”. Mục-kiền-liên hỏi: “Ba điều thỉnh nguyện đó là gì?”. A-nan thưa: “Một là giả sử Như Lai đem y cũ cho tôi thì tôi xin được không nhận. Hai là nếu Như Lai nhận lời biệt thỉnh của thí chủ thì cho phép tôi không đi theo. Ba là cho phép tôi ra vào không luận là giờ khắc nào. Ba việc này nếu Đức Phật cho phép, tôi sẽ vâng lời chư Tăng làm thị giả”. Lúc ấy, Kiều-trần-như cùng năm trăm vị Tỳ-kheo đến chỗ của Ta thưa: “Chúng con đã khuyên Tỳ-kheo A-nan, A-nan chỉ xin ba điều, nếu Phật cho phép thì A-nan sẽ vâng theo”.

Này Văn-thù-sư-lợi! Lúc ấy Ta khen ngợi A-nan: “Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo A-nan đầy đủ trí tuệ, thấy trước sự cơ hiểm”. Vì sao? Vì sẽ có người cho rằng A-nan vì y phục mà hầu hạ Đức Như Lai, nên A-nan xin phép không nhận y cũ và không theo Phật thọ biệt thỉnh. Tỳ-kheo A-nan đầy đủ trí tuệ, biết ra vào có giờ thì không thể làm lợi ích rộng lớn cho bốn bộ chúng, do đó A-nan cầu xin ra vào không luận giờ nào. Này Kiều-trần-như! Ta chấp nhận ba thỉnh nguyện của A-nan. Lúc ấy, Mục-kiền-liên trở lại bảo A-nan: “Tôi đã đem lời ông bạch lên Đức Phật, Đấng Như Lai đại từ đã bằng lòng”. A-nan nói: “Thưa Đại đức! Nếu Đức Phật đã cho phép, tôi xin qua làm thị giả”.

Này Văn-thù-sư-lợi! Hơn hai mươi năm, A-nan hầu hạ Ta, có đủ tám điều không thể nghĩ bàn. Những gì là tám điều? Một là hơn hai mươi năm hầu hạ Ta, A-nan không bao giờ theo Ta thọ biệt

thỉnh. Hai là từ khi thị giả Ta đến nay không nhận y cũ của Ta. Ba là từ khi thị giả Ta đến nay không bao giờ đến chỗ Ta không phải thời. Bốn là từ khi thị giả Ta đến nay tuy còn đủ phiền não nhưng lúc theo Ta vào ra cung vua Sát-lợi, nhà giàu sang, dòng họ lớn thấy các người nữ, và thiên nữ, long nữ không hề sinh lòng dục. Năm là từ khi thị giả Ta đến nay thọ trì Mười hai bộ loại kinh văn của Ta đã nói nghe qua một lần nhớ rõ, chẳng hỏi lại; như nước trong bình này rót qua bình kia, chỉ trừ một lần hỏi.

Này thiện nam! Thái tử Lưu Ly giết hại dòng họ Thích, phá thành Ca-tỳ-la. Lúc ấy, A-nan buồn khổ khóc lóc, đến chỗ Ta thưa: “Con cùng với Như Lai đồng sinh ở thành này, đồng một họ Thích, tại sao dung nhan của Như Lai vẫn như thường, còn con thì tiêu tụy. Lúc ấy Ta đáp: “Này A-nan! Vì Ta tu định không nên không giống ông”. Hơn ba năm sau, A-nan lại hỏi Ta: “Bạch Thế Tôn! Con qua thành Ca-tỳ-la kia từng nghe Đức Như Lai tu định không, việc đó là hư hay thật?”. Ta đáp: “Này A-nan! Đúng vậy! Đúng vậy! Như lời ông nói”. Sáu là từ khi hầu hạ Ta đến nay, tuy chưa được tha tâm trí nhưng thường biết những chánh định Như Lai nhập. Bảy là từ khi hầu hạ Ta đến nay, tuy chưa được nguyện trí mà có thể biết rõ chúng sinh như vậy đến chỗ Như Lai, hiện tại có thể chứng được bốn quả Samôn, hoặc có người sau này sẽ được, có người làm thân người, hoặc làm thân trời. Tám là từ khi hầu hạ Ta đến nay, những lời bí mật của Như Lai đều có thể hiểu được hết.

Này thiện nam! Tỳ-kheo A-nan đầy đủ tám điều không thể nghĩ bàn như vậy. cho nên Ta gọi Tỳ-kheo A-nan là tạng đa văn.

Này thiện nam! Tỳ-kheo A-nan đầy đủ tám pháp, có thể thọ trì đầy đủ Mười hai bộ loại kinh văn. Những gì là tám pháp? Một là tín căn kiến cố, hai là tâm ý chất trực, ba là thân không bệnh khổ, bốn là thường siêng năng tinh tấn, năm là có đủ tâm niệm, sáu là tâm không kiêu mạn, bảy là thành tựu định, tuệ, tám là có đủ trí tuệ do nghe pháp mà sinh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Đệ tử thị giả của Đức Phật Tỳ-bà-thi tên là A-thúc-ca cũng có đầy đủ tám pháp như vậy. Đệ tử thị giả của

Đức Phật Thi-khí tên là Sai-ma-ca-la, đệ tử thị giả của Đức Phật Tỳ-xá-phù tên là Ưu-ba-phiến-đà-ca-la, đệ tử thị giả của Đức Phật Câu-lưu-tôn tên là Bạt-đề, đệ tử thị giả của Đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni tên là Tô-đàn, đệ tử thị giả của Đức Phật Ca-diếp tên là Diệp-bà-mật-đa đều cũng đầy đủ tám pháp này. Nay A-nan thị giả của Ta cũng có đủ tám pháp ấy, nên Ta gọi Tỳ-kheo A-nan là tạng đa văn.

Này thiện nam! Như lời ông nói, trong đại chúng này tuy có vô lượng vô biên Bồ-tát, nhưng các Bồ-tát này đều có trọng trách đó là đại từ đại bi. Nhờ nhân duyên từ bi như vậy nên ai nấy đều nhanh chóng điều phục quyến thuộc và trang nghiêm tự thân. Vì nhân duyên này nên sau khi Ta nhập Niết-bàn, những vị này không thể tuyên thuyết thông suốt Mười hai bộ loại kinh văn. Hoặc có Bồ-tát có thể tuyên thuyết mà người không tin nhận. Này Văn-thù-sư-lợi! Tỳ-kheo A-nan là em của Ta, hầu hạ Ta đến nay đã hơn hai mươi năm, những pháp được nghe đều thọ trì đầy đủ như nước rót vào một cái bình. Nên nay Ta cố ý hỏi A-nan đang ở đâu, muốn khiến A-nan thọ trì kinh Niết-bàn này. Này thiện nam! Sau khi Ta Niết-bàn, những pháp mà Tỳ-kheo A-nan chưa được nghe thì Bồ-tát Hoàng Quảng có thể truyền bá, những pháp mà A-nan được nghe thì tự mình có thể tuyên thuyết.

Này Văn-thù-sư-lợi! Tỳ-kheo A-nan nay ở nơi khác, cách ngoài đại hội này mười hai do-tuần, đang bị sáu vạn bốn ngàn ức thiên ma nã loạn, ông nên đến đó nói lớn: “Tất cả các loài ma hãy lắng nghe! Lắng nghe! Nay Đức Như Lai nói Đại Đà-la-ni, tất cả các hàng Trời, Rồng, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người cùng loài phi nhân, thần núi, thần cây, thần sông, thần biển, thần nhà cửa v.v... nghe tên thần chú này đều cung kính thọ trì. Mười hằng hà sa chư Phật Thế Tôn đều cùng tuyên thuyết Đà-la-ni này. Đà-la-ni này có thể chuyển thân nữ, tự biết được đời trước. Nếu giữ năm điều: một là phạm hạnh, hai là không ăn thịt, ba là không uống rượu, bốn là không ăn cay, năm là thích ở chốn vắng vẻ thanh tịnh và chí tâm, tin nhận, đọc tụng, biên chép Đà-la-ni này thì nên biết người này sẽ được vượt khỏi bảy mươi bảy ức thân xấu ác. Bây giờ, Thế Tôn liền nói thần chú:

–A ma lệ, Tỳ ma lệ, Niết ma lệ, Mông già lệ, Hê ma la, nhã kiết tỳ, Tam mạn đa bạt đề, Ta bà tha ta đàn ni, Bà la ma tha ta đàn ni, Ma na tư, A chuyết đề, Tỳ la kỳ, Am ma lại đề, Bà lam di, Bà lam, Ma tá lệ, Phú nê Phú na ma nô lại đề.

Lúc ấy, Văn-thù-sư-lợi từ Đức Phật lãnh thọ Đà-la-ni rồi đến chỗ A-nan, ở giữa chúng ma nói lại như vậy: “Này các ma và quyến thuộc hãy lắng nghe! Ta nói chú Đà-la-ni mà ta đã lãnh thọ nơi Đức Phật”. Ma vương nghe Đà-la-ni này rồi liền phát tâm Bồ-đề vô thượng, bỏ nghiệp ma và thả A-nan. Văn-thù-sư-lợi cùng A-nan đi đến chỗ Đức Phật. A-nan thấy Phật, chí tâm kính lễ, lui đứng một bên.

Đức Phật bảo A-nan:

–Ngoài rừng Ta-la này có một Phạm chí tên là Tu-bạt-đà, ông ấy rất già, một trăm hai mươi tuổi, tuy chứng được năm thần thông mà chưa bỏ kiêu mạn, được định Phi tưởng phi phi tưởng cho là Nhất thiết trí, chứng được Niết-bàn. Ông nên đến nói với Tu-bạt-đà: “Như Lai ra đời như hoa Ưu-đàm, vào giữa đêm nay Như Lai sẽ nhập Niết-bàn. Nếu có việc cần làm thì nên làm kịp thời, chớ để ngày sau mà sinh lòng hối hận”. A-nan! Lời của ông nói, Tu-bạt-đà nhất định sẽ tin nhận. Vì sao? Vì ông thuở quá khứ đã từng năm trăm đời làm con của Tu-bạt-đà, lòng yêu thương của ông ấy vẫn còn, nên có thể tin nhận lời của ông.

Bấy giờ, A-nan vâng lời Phật, đến chỗ Tu-bạt-đà nói:

–Thưa nhân giả! Nên biết Đức Như Lai ra đời như hoa Ưu-đàm. Vào giữa đêm nay Như Lai sẽ nhập Niết-bàn. Nếu có việc cần làm nên làm đúng thời, chớ để ngày sau mà sinh lòng hối hận.

Tu-bạt-đà bảo:

–Lành thay! A-nan! Nay tôi sẽ đến chỗ Như Lai.

Lúc ấy, A-nan cùng Tu-bạt-đà trở về thăm hỏi Đức Phật. Thăm hỏi xong, Tu-bạt-đà nói:

–Thưa Cù-đàm! Nay tôi muốn hỏi, xin Ngài đáp cho.

Đức Phật bảo:

–Này Tu-bạt-đà! Nay đã đúng lúc, tùy ý ông hỏi, Ta sẽ phương

tiện giải đáp cho ông.

–Thưa Cù-đàm! Có các Sa-môn, Bà-la-môn nói thế này: “Tất cả chúng sinh thọ báo khổ vui đều theo nơi nghiệp đã tạo ra ngày trước. Do đó, nếu có người trì giới, tinh tấn, thân tâm chịu khổ thì có thể phá hoại được nghiệp ngày trước. Nghiệp cũ đã hết thì các khổ cũng hết, các khổ đã hết liền chứng được Niết-bàn”. Nghĩa này là thế nào?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nói như vậy thì Ta sẽ vì thương xót mà thường đến chỗ người ấy để hỏi: “Này nhân giả! Quả thật ông có nói như vậy chăng?”. Nếu vị ấy đáp: “Tôi có nói như thế. Vì sao? Thưa Cù-đàm! Vì tôi thấy có các chúng sinh làm điều ác mà được giàu sang, thân được tự tại, lại thấy người làm lành mà nghèo khổ thiếu thốn không được tự do. Lại thấy có người tốn công sức nhiều tìm cầu mà không được, lại thấy có kẻ không cầu mà tự nhiên có, lại thấy có người tâm từ bi không sát sinh lại chết yểu, có kẻ ưa sát sinh lại sống lâu, lại thấy có người tịnh tu phạm hạnh tinh tấn trì giới được giải thoát, có người lại chẳng được. Cho nên tôi nói tất cả chúng sinh chịu quả báo khổ vui đều do nghiệp đời trước” thì, này Tu-bạt-đà! Ta sẽ hỏi người ấy là, họ thật có thấy nghiệp quá khứ không? Nếu thấy thì nghiệp ấy nhiều hay ít? Khổ hạnh hiện tại phá được nhiều hay ít? Có thể biết nghiệp này đã hết hay chẳng hết? Nghiệp này đã hết là hết tất cả chăng? Nếu vị ấy đáp là “Tôi thật không biết”, thì Ta sẽ dẫn thí dụ cho họ. Ví như có người thân bị trúng mũi tên độc. Quyển thuộc người ấy mời lương y đến để nhổ mũi tên độc, mũi tên độc đã được nhổ rồi, thân được an ổn. Sau đó mười năm, người này còn nhớ rõ vị lương y ấy đã nhổ tên độc cho mình, rồi dùng thuốc thoa đắp khiến mình được lành mạnh an vui. Các nhân giả đã không biết được nghiệp nhân quá khứ, thì làm sao có thể biết được khổ hạnh hiện tại nhất định có thể phá được nghiệp quá khứ? Nếu vị ấy nói: “Này Cù-đàm! Cũng có nghiệp quá khứ, cơ sao lại siêng trách nghiệp quá khứ của chúng tôi! Thưa Cù-đàm! Trong kinh cũng nói như vậy: Nếu thấy có người giàu sang tự tại, nên biết người này đời trước thích bố thí. Như vậy không gọi

là nghiệp quá khứ chẳng”, thì Ta lại đáp: “Này nhân giả! Biết như vậy gọi là biết so sánh chứ không gọi là biết chân thật. Trong pháp Phật của Ta, hoặc có lúc do nhân mà biết quả, hoặc có lúc do quả mà biết nhân. Trong pháp Phật của Ta có nghiệp quá khứ, có nghiệp hiện tại. Các ông thì không như vậy chỉ có nghiệp quá khứ mà không có nghiệp hiện tại. Pháp của các ông không do nơi phương tiện mà đoạn nghiệp. Pháp của Ta không như vậy, do phương tiện mà đoạn nghiệp. Giáo pháp của các ông cho rằng nghiệp hết thì hết khổ. Giáo pháp của Ta không phải vậy, mà phiền não hết, nghiệp hết thì khổ hết. Do đó Ta chê trách nghiệp quá khứ của các ông”. Nếu vị ấy nói: “Thưa Cù-đàm! Tôi thật không biết, tôi thọ lãnh lời ấy từ thầy của tôi, không phải lỗi của chúng tôi”, thì Ta bảo: “Này nhân giả! Thầy của ông là ai?”. Nếu vị ấy đáp là Phứ-lan-na, thì Ta lại bảo: “Trước kia sao ông không thưa hỏi cho rõ ràng là Đại sư thật biết nghiệp quá khứ không. Nếu thầy ông bảo, ta không biết thì tại sao ông lại nhận lấy lời ấy. Nếu thầy các ông bảo là biết thì nên hỏi: Nhân là hạ khổ, có thọ trung và thượng khổ chăng? Nhân là trung khổ thì có thọ hạ và thượng khổ chăng? Nhân là thượng khổ thì có thọ trung và hạ khổ chăng? Nếu đáp là không thì lại hỏi: Sao thầy lại cho rằng quả báo khổ vui chỉ do nghiệp quá khứ mà chẳng phải là nghiệp hiện tại? Lại nên hỏi: Khổ hiện tại, quá khứ có chăng? Nếu quá khứ có thì nghiệp quá khứ đều đã dứt hết mà nếu đã dứt hết thì tại sao lại thọ thân ngày nay? Nếu quá khứ không có chỉ có hiện tại thì vì sao lại nói chúng sinh khổ vui đều do nghiệp quá khứ?”.

Này nhân giả! Nếu biết khổ hạnh hiện tại có thể phá hoại nghiệp quá khứ thì lấy gì để phá khổ hạnh hiện tại? Nếu không phá được thì khổ là thường, nếu khổ là thường sao lại nói rằng được giải thoát khổ? Nếu lại có hạnh nghiệp phá hoại khổ hạnh thì quá khứ đã hết tại sao có khổ? Này nhân giả! Như vậy khổ hạnh có thể làm cho nghiệp vui thọ lấy quả khổ chăng? Lại làm cho nghiệp khổ thọ lấy quả vui chăng? Có thể khiến cho nghiệp không khổ, không vui không thọ quả chăng? Có thể khiến cho quả báo hiện tại thành quả báo đời kế chăng? Có thể khiến cho quả báo đời kế làm quả báo hiện tại chăng? Làm cho hai báo này thành không báo chăng? Có

thể làm cho định báo thành không báo chẳng? Có thể làm cho không báo thành định báo chẳng? Nếu vị ấy đáp: “Thưa Cù-đàm! Không thể được”, thì Ta sẽ bảo: Nay nhân giả! Nếu như không thể được thì vì sao các ông lại chịu khổ hạnh như vậy? Nay nhân giả! Nên biết quyết định có nghiệp quá khứ và nhân duyên hiện tại. Do đó nên Ta nói nhân phiền não mà sinh ra nghiệp, nhân nghiệp mà chịu quả báo. Nay nhân giả! Nên biết rằng tất cả chúng sinh có nghiệp quá khứ, có nhân hiện tại, chúng sinh tuy có nghiệp sống lâu quá khứ nhưng cần phải nhờ nhân duyên ăn uống hiện tại. Nay Nhân giả! Nếu nói chúng sinh thọ khổ, thọ vui quyết định do nơi nhân duyên của nghiệp quá khứ, thì việc đó không đúng. Vì sao? Nay nhân giả! Ví như có người trừ được kẻ thù cho nhà vua, do đó mà được vua ban cho nhiều cửa cải châu báu, nhờ cửa cải châu báu mà hiện tại được sung sướng. Người này hiện tại tạo nhân sung sướng nên thọ quả báo sung sướng. Ví như có người giết chết Thái tử yêu quý của vua, do đó nên phải bị mất mạng, người này hiện tại tạo nhân khổ nên phải chịu quả báo khổ. Nay nhân giả! Tất cả chúng sinh hiện tại do bốn đại, thời tiết, đất đai, dân chúng mà thọ khổ thọ vui. Vì thế Ta nói tất cả chúng sinh không hoàn toàn nhân nơi nghiệp quá khứ mà thọ khổ, thọ vui. Nay nhân giả! Nếu do sức của nhân duyên dứt nghiệp mà được giải thoát, thì tất cả Thánh nhân chẳng được giải thoát. Vì sao? Vì bốn nghiệp quá khứ của tất cả chúng sinh là vô thí vô chung. Do đó nên Ta nói lúc tu tập Thánh đạo, thì Thánh đạo này có thể ngăn nghiệp vô thí vô chung. Nay nhân giả! Nếu chịu khổ hạnh mà được đắc đạo thì tất cả loài súc sinh lẽ ra đều đắc đạo. Do đó trước phải điều phục tâm mà không điều phục thân. Do đó nên trong kinh Ta nói: Đốn chặt rừng này chớ đốn chặt cây. Vì sao? Vì do nơi rừng sinh ra sợ chẳng phải do nơi cây. Muốn điều phục thân trước hết phải điều phục tâm. Tâm dụ như rừng, thân dụ như cây.

Tu-bạt-đà nói:

–Bạch Thế Tôn! Tôi đã điều phục tâm trước rồi.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nay ông làm thế nào có thể điều phục tâm

trước?

Tu-bạt-đà nói:

–Bạch Thế Tôn! Trước hết con suy nghĩ rằng dục là vô thường, không vui, không tịnh; quán sắc là thường, lạc, ngã, tịnh; quán như vậy rồi, đoạn dứt phiền não cõi Dục; đạt được sắc xứ. Do đó gọi là trước điều phục tâm. Lại nữa, quán sắc là vô thường, như mụn nhọt, như ghẻ lở, như thuốc độc, như mũi tên, thấy không sắc là thường thanh tịnh vắng lặng. Quán sát như vậy rồi phiền não sắc giới hết, chứng được không sắc xứ. Do đó, gọi trước là điều phục tâm. Lại nữa, quán tướng là vô thường như mụn nhọt, ghẻ lở, thuốc độc, mũi tên, quán như vậy rồi chứng được Phi tướng phi phi tướng xứ. Phi tướng phi phi tướng xứ này là nhất thiết trí vắng lặng thanh tịnh, không bị đọa lạc, thường hằng bất biến. Do đó, tôi có thể điều phục tâm của mình.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông làm thế nào có thể điều phục được tâm? Định Phi tướng phi phi tướng mà ông đang sở đắc vẫn còn gọi là tướng. Niết-bàn là vô tướng, sao ông cho rằng chứng được Niết-bàn? Này thiện nam! Trước ông đã có thể chê trách tướng thô, nay tại sao lại tham trước tướng tế? Vì không biết chê trách Phi tướng phi phi tướng xứ như vậy nên gọi là tướng như mụn nhọt, như ghẻ lở, như thuốc độc, như mũi tên.

Này thiện nam! Thầy của ông là Uất-đầu-lam-phất thông minh, căn tánh lạnh lợi còn không thể dứt được Phi tướng phi phi tướng xứ nên phải thọ thân ác, hưởng gì là những kẻ khác!

–Bạch Thế Tôn! Làm thế nào có thể đoạn dứt tất cả các cõi?

–Này thiện nam! Nếu người nào quán được thật tướng thì có thể dứt tất cả các cõi.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là thật tướng?

–Này thiện nam! Tướng của vô tướng gọi là thật tướng.

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là tướng của vô tướng?

–Này thiện nam! Tất cả các pháp không có tướng tự, tướng tha, không có tướng tự tha, không có tướng vô nhân, không có tướng tác,

không có tướng thọ, không có tướng người làm, không có tướng người nhận, không có tướng pháp phi pháp, không có tướng nam nữ, không có tướng sĩ phu, không có tướng vi trần, không có tướng thời tiết, không tướng vì mình, không tướng vì người, không có tướng vì mình và vì người, không có tướng có, không có tướng không, không tướng sinh, không tướng sinh giả, không tướng nhân, không tướng nhân của nhân, không tướng quả, không có tướng quả của quả, không tướng ngày đêm, không tướng sáng tối, không tướng thấy, không tướng người thấy, không tướng nghe, không tướng người nghe, không tướng biết, không tướng người biết, không tướng Bồ-đề, không tướng người chứng đắc Bồ-đề, không tướng nghiệp, không tướng sinh nghiệp, không tướng phiền não, không tướng sinh phiền não.

Này thiện nam! Những tướng như vậy tùy theo chỗ diệt gọi là tướng chân thật. Này thiện nam! Tất cả các pháp đều là hư giả, tùy theo chỗ diệt mà gọi là thật, gọi là thật tướng, gọi là pháp giới, gọi là trí rốt ráo, gọi là đệ nhất nghĩa đế, gọi là đệ nhất nghĩa không.

Này thiện nam! Tướng ấy là pháp giới, là trí rốt ráo, đệ nhất nghĩa đế, đệ nhất nghĩa không. Người trí bậc hạ quán thì chứng được Thanh văn Bồ-đề, người trí bậc trung quán thì chứng được Duyên giác Bồ-đề, người trí bậc thượng quán thì chứng được Bồ-đề vô thượng.

Lúc Đức Phật giảng nói pháp này có mười ngàn Bồ-tát chứng được nhất sinh thật tướng, một vạn năm ngàn Bồ-tát chứng được nhị sinh pháp giới, hai vạn năm ngàn Bồ-tát chứng được trí tất cảnh. Ba vạn năm ngàn Bồ-tát ngộ đệ nhất nghĩa đế; đệ nhất nghĩa đế này cũng gọi là đệ nhất nghĩa không, cũng gọi là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm. Lại có bốn vạn năm ngàn Bồ-tát chứng đắc Tam-muội Hư không, Tam-muội Hư không này cũng gọi là Tam-muội Quảng đại, Tam-muội Trí ấn; năm vạn năm ngàn Bồ-tát chứng Nhẫn bất thoái, Nhẫn bất thoái này cũng gọi là Nhẫn như pháp, cũng gọi là như Pháp giới; sáu vạn năm ngàn Bồ-tát đắc Đà-la-ni, Đà-la-ni này cũng gọi là Đại niệm tâm, là Trí vô ngại; bảy vạn năm ngàn Bồ-tát đắc Tam-muội Sư tử hống, Tam-muội Sư tử hống này cũng gọi là Tam-muội

Kim cang, là Tam-muội Ngũ trí ấn; tám vạn năm ngàn Bồ-tát chứng đắc Tam-muội Bình đẳng, Tam-muội Bình đẳng này cũng gọi là Đại từ, Đại bi; vô lượng hằng hà sa chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng; vô lượng hằng hà sa chúng sinh phát tâm Duyên giác; vô lượng hằng hà sa chúng sinh phát tâm Thanh văn; hai vạn ức người nữ, thiên nữ được chuyển thân nữ thành thân nam; Tu-bạt-đa chứng quả A-la-hán.

